

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2021/HS-ST
Ngày 15-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Thanh Càn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung— Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Tuấn Q, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp Tân Đông, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1964 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt theo lệnh truy nã ngày 17/6/2021, sau đó tạm giam đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Ông Võ Trọng P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khu phố Tân Mỹ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị L, sinh năm 1960; Nơi cư trú: khu phố Tân Mỹ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, ông Hầu Th, ông Nguyễn Minh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 22/4/2019, Trần Tuấn Q đi bộ từ phòng trọ ra đón xe bus số 18 để về hướng chợ Tân Ba thuộc phường H, thị xã T, tỉnh Bình

Dương để đi xin việc làm. Khi đến khu vực chợ Tân Ba thì Q xuống xe bus, đi bộ lòng vòng quanh khu vực gần chợ Tân Ba để xin việc làm nhưng không được. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Q đi bộ từ hướng chợ Tân Ba về Ngã tư Miếu Ông Cù để tiếp tục tìm việc làm. Khi đi ngang qua nhà của ông Võ Trọng P, Q nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu SUPERSIVA màu nâu, biển số 61F7-1806 để ở trước cửa nhà, đầu xe quay vào trong, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa xe, nhưng không có người trông coi. Lúc này, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 61F7-1806 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, Q đi bộ đến vị trí để xe mô tô biển số 61F7-1806, quan sát không thấy ai trông coi, Q lén lút đẩy xe mô tô biển số 61F7-1806 lùi ra ngoài đường rồi mở khóa khởi động máy xe, điều khiển xe chạy về hướng Ngã tư Miếu Ông Cù tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, ông P phát hiện xe mô tô biển số 61F7-1806 bị mất trộm nên ông P đã đến gặp và nói cho ông Nguyễn Văn T làm nghề sửa xe máy ở gần nhà của ông P biết. Cùng lúc này, có ông Hầu T và ông Nguyễn Minh Q đang ngồi chơi tại tiệm sửa xe nên khi nghe ông Phú nói chuyện với ông T. Sau đó, ông T, ông Q cùng với ông T và ông P đi tìm xe mô tô biển số 61F7-1806. Sau khi lấy trộm được xe mô tô biển số 61F7-1806 Q điều khiển đi được khoảng 02 km, thì bị ông P, ông T, ông Q, ông T phát hiện và đưa Q cùng xe mô tô biển số 61F7-1806 về giao cho Công an phường H xử lý. Qua làm việc tại Công an phường H, Q khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 61F7-1806 của ông Phú.

Công an phường H tiến hành các hoạt động xác minh ban đầu và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã T để xác minh, điều tra vụ việc theo đúng thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số: 168/KLTS-TTHS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T, Bình Dương xác định giá trị của xe mô tô hiệu nhãn hiệu SUPERSIVA, màu nâu, biển số 61F7-1806 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.250.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu SUPERSIVA, màu nâu, biển số 61F7-1806, số khung: 831635, số máy: 1832438 do bà Trần Thị L (sinh năm 1960, HKTT: Khu phố Tân Mỹ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương là mẹ ruột của ông Võ Trọng P) đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô trên được bà L mua vào tháng 09 năm 2000, sau đó bà đưa cho P quản lý, sử dụng. Ngày 14/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 157 trả lại cho ông Võ Trọng P. Ông P không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Tuấn Q đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú không xác định được đang làm gì, ở đâu. Do đó, ngày 25 tháng 10 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định tạm đình điều tra vụ án hình sự số 02, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 02 và Quyết định truy nã bị can số 02 đối với bị cáo Trần Tuấn Q.

Đến ngày 17/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương đã bắt được bị cáo Trần Tuấn Q tại Ấp Tân Đông, xã T, huyện C,

tỉnh Tây Ninh. Sau khi bắt được bị cáo Trần Tuấn Q, ngày 20/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Bình Dương đã tiến hành ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 04, Quyết định phục hồi điều tra bị can số 08 đối với bị cáo Trần Tuấn Q.

Tại bản Cáo trạng số 185/CT-VKS.TU ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Trần Tuấn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Tuấn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Ngày 14/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 157 trả lại cho ông Võ Trọng P.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Tuấn Q thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Trần Tuấn Q nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại ông Võ Trọng P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị L và người làm chứng ông Nguyễn Văn Tính, ông Hầu Thuận, ông Nguyễn Minh Quang vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra ông P, bà L, ông T, ông Th, ông Q đã có lời khai đầy đủ. Ông P đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, việc vắng mặt của ông P bà L, ông T, ông Th, ông Q không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P, bà L, ông T, ông Th, ông Q.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/04/2019, tại khu phố Tân Mỹ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Tuấn Q đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Võ Trọng P, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu SUPERSIVA, biển số 61F7-1806 có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nên Công an thị xã T Quyết định truy nã số 02 ngày 25/10/2019. Hành vi bỏ trốn của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 157 trả lại cho ông Võ Trọng P là phù hợp.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tuấn Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn